

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm).

Em hãy chọn đáp án đúng bằng cách ghi vào giấy KT của mình những chữ cái đứng trước câu trả lời đúng. VD 1-A, 2-B... Mỗi câu trả lời đúng đạt 0.5 điểm

Câu 1. Phương án nào sau đây chỉ ra đúng các bước trong hoạt động thông tin của con người?

- A. Xử lý thông tin, thu nhận thông tin lưu trữ thông tin, truyền thông tin.
- B. Thu nhận thông tin, xử lý thông tin, lưu trữ thông tin, truyền thông tin.
- C. Xử lý thông tin, thu nhận thông tin, truyền thông tin lưu trữ thông tin.
- D. Thu nhận thông tin, truyền thông tin, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin.

Câu 2. Các thao tác lập luận, giải thích, phân tích, phán đoán, tưởng tượng của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin ?

- A. Thu nhận
- B. Lưu trữ
- C. Xử lý
- D. Truyền

Câu 3: Khả năng lưu trữ một thiết bị nhớ được gọi là gì ?

- A. Dung lượng nhớ
- B. Khối lượng nhớ
- C. Thể tích nhớ
- D. Năng lượng nhớ

Câu 4. Mạng máy tính gồm các thành phần:

- A. Máy tính và thiết bị kết nối.
- B. Máy tính và phần mềm mạng
- C. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.
- D. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng

Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng ?

- A. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị trong phạm vi một quốc gia.
- B. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu
- C. Internet là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu
- D. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 6. Để kết nối với internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi

- A. người quản trị mạng máy tính.
- B. người quản trị mạng xã hội.
- C. Nhà cung cấp dịch vụ internet
- D. Một máy tính khác.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về internet ?

A. Một mạng kết nối với các hệ thống máy tính và các thiết bị với nhau giúp người sử dụng có thể xem, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin ...

B. Một mạng công cộng không thuộc sở hữu hay do bất kì một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành.

C. Một mạng lưới rộng lớn kết nối hàng triệu máy tính trên khắp thế giới.

D. Một mạng kết nối các máy tính với nhau được tổ chức và giám sát bởi một cơ quan quản lí.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm của internet

- A. Phạm vi hoạt động trên toàn cầu
- B. Thông tin chính xác tuyệt đối.
- C. Không thuộc quyền sở hữu của ai
- D. Có nhiều dịch vụ đa dạng và phong phú

Câu 9. Phần mềm giúp người sử dụng truy cập trang web trên internet gọi là gì ?

- A. Trình duyệt web
- B. Địa chỉ web
- C. Website
- D. Công cụ tìm kiếm

Câu 10. Địa chỉ trang web nào sau đây hợp lệ ?

A. www\\tienphong.vn

B. https://www.tienphong.vn

C. Tienphong@gmail.com

D. https\\: www.tienphong.vn

Câu 11: Tên nào sau đây là tên một máy tìm kiếm ?

A. Google

B. Word

C. Windows Explorer

D. Excel

Câu 12. Để tìm kiếm thông tin về văn hoá Tây Nguyên, em sử dụng từ khóa nào để thu hẹp phạm vi tìm kiếm nhất?

A. Tây Nguyên

B. Văn hoá

C. Văn hoá Tây Nguyên

D. Văn hoá + Tây Nguyên

Câu 13 . Em chỉ nên mở thư điện tử được gửi đến từ

A. những người em biết và tin tưởng

B. những người em không biết

C. các trang web ngẫu nhiên

D. những người có tên rõ ràng

Câu 14. Em cần biết thông tin gì của người mà em muốn gửi thư điện tử cho họ?

A. Địa chỉ nơi ở

B. Mật khẩu thư

C. Loại máy tính đang dùng.

D. Địa chỉ thư điện tử.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm).

Câu 15: (1,0 điểm) Khi đặt mật khẩu cho thư điện tử theo em nên đặt mật khẩu thế nào để đảm bảo tính bảo mật? Nếu nghi ngờ thư điện tử nhận được là thư rác em sẽ xử lý thế nào

Câu 16: (1,0 điểm) Em hãy sắp xếp lại các thao tác sau cho đúng trình tự cần thực hiện khi tìm thông tin bằng máy tìm kiếm.

- Gõ từ khóa vào ô dành để nhập từ khóa
- Nháy chuột vào liên kết để truy cập trang web tương ứng
- Mở trình duyệt
- Nháy nút  hoặc nhấn phím **Enter**
- Truy cập máy tìm kiếm

Câu 17: (1,0 điểm) Em hãy giải thích tại sao Internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển.

D. HƯỚNG DẪN CHẤM**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)**

Mỗi câu trả lời đúng được 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	C	C	A	D	B	C	D	B	A	B	A	C	A	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 15 (1,0 điểm)	- Em đặt mật khẩu có ít nhất 5 kí tự và có đủ các kí tự như chữ hoa, chữ thường, chữ số, tránh đặt mật khẩu là những thông tin dễ đoán như ngày sinh, họ tên hay dãy số từ 1->9	0.5
	-Nếu nghi ngờ thư điện tử nhận được là thư rác em nên xóa thư khỏi hộp thư	0.5
Câu 16 (1,0 điểm)	Các thao tác sau cho đúng trình tự cần thực hiện khi tìm thông tin bằng máy tìm kiếm: 1- Mở trình duyệt	0.2

Câu	Đáp án	Điểm
	2- Truy cập máy tìm kiếm	0.2
	3- Gõ từ khóa vào ô dành để nhập từ khóa	0.2
	4- Nháy nút  hoặc nhấn phím Enter	0.2
	5- Nháy chuột vào liên kết để truy cập trang web tương ứng	0.2
Câu 17 (1,0 điểm)	* Internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển vì: + Internet là mạng toàn cầu nên thông tin được trao đổi và truyền tải đi khắp nơi, mang lại nhiều lợi ích cho người sử dụng.	0,25
	+ Internet góp phần thúc đẩy mối quan hệ về văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội trên toàn cầu.	0,25
	+ Tính dễ tiếp cận và tương tác cao nên được rất nhiều người sử dụng.	0,25
	+ Thường xuyên ra mắt các sản phẩm mới, các phiên bản tốt hơn; chất lượng các dịch vụ ngày càng được nâng cao.	0,25

TRƯỜNG THCS.....

ĐỀ SỐ 2

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2023-2024

Môn học: Tin Học 6

Thời gian: 45 phút

Không kể thời gian phát đề

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm).

Em hãy chọn đáp án đúng bằng cách ghi vào giấy KT của mình những chữ cái đứng trước câu trả lời đúng. VD 1-A, 2-B... Mỗi câu trả lời đúng đạt 0.5 điểm

Câu 1. Phương án nào sau đây là thông tin?

- A. Các con số thu thập được qua cuộc điều tra dân số.
- B. Phiếu điều tra dân số.
- C. Tập lưu trữ tài liệu về điều tra dân số.
- D. Kiến thức về phân bố dân cư.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây đúng về lợi ích của thông tin?

- A. Đem lại hiểu biết và giúp con người có những lựa chọn tốt.
- B. Đem lại hiểu biết cho con người, không phụ thuộc vào dữ liệu.
- C. Có độ tin cậy cao, không phụ thuộc vào dữ liệu.
- D. Có độ tin cậy cao, không phụ thuộc vào dữ liệu.

Câu 3: Khả năng lưu trữ một thiết bị nhớ được gọi là gì ?

- A. Dung lượng nhớ
- B. Khối lượng nhớ
- C. Thể tích nhớ
- D. Năng lượng nhớ

Câu 4. Mạng máy tính gồm các thành phần:

- A. Máy tính và thiết bị kết nối.

- B. Máy tính và phần mềm mạng
- C. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.
- D. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng

Câu 5: (0,5đ): Thông tin trên Internet được tổ chức như thế nào?

- A. Tương tự như trong sách.
- B. Thành từng văn bản rời rạc.
- C. Thành siêu văn bản có liên kết.
- D. Một cách tùy ý.

Câu 6. Để kết nối với internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi

- A. người quản trị mạng máy tính.
- B. người quản trị mạng xã hội.
- C. Nhà cung cấp dịch vụ internet
- D. Một máy tính khác.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về internet ?

- A. Một mạng kết nối với các hệ thống máy tính và các thiết bị với nhau giúp người sử dụng có thể xem, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin ...
- B. Một mạng công cộng không thuộc sở hữu hay do bất kì một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành.
- C. Một mạng lưới rộng lớn kết nối hàng triệu máy tính trên khắp thế giới.
- D. Một mạng kết nối các máy tính với nhau được tổ chức và giám sát bởi một cơ quan quản lí.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây *không phải* là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

- A. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án
- B. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa học trực tuyến
- C. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày
- D. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài

Câu 9. Phần mềm giúp người sử dụng truy cập trang web trên internet gọi là gì ?

- A. Trình duyệt web
- B. Địa chỉ web
- C. Website
- D. Công cụ tìm kiếm

Câu 10. Địa chỉ trang web nào sau đây hợp lệ ?

- A. www\\tienphong.vn
- B. https://www.tienphong.vn
- C. Tienphong@gmail.com
- D. https\\: www.tienphong.vn

Câu 11. Tên nào sau đây là tên một máy tìm kiếm ?

- A. Cốc cốc
- B. Word
- C. Windows Explorer
- D. Excel

Câu 12. Để tìm kiếm thông tin về thầy giáo, em sử dụng từ khóa nào để thu hẹp phạm vi tìm kiếm nhất?

- A. Thầy giáo
- B. Thầy giáo.....
- C.....
- D. Thầy giáo +

Câu 13 . Em chỉ nên mở thư điện tử được gửi đến từ

- A. những người em biết và tin tưởng
- B. Bất cứ người nào gửi cho em
- C. các trang web ngẫu nhiên
- D. những người có tên rõ ràng

Câu 14. Em cần biết thông tin gì của người mà em muốn gửi thư điện tử cho họ?

- A. Mật khẩu thư
- B. Địa chỉ thư điện tử.

C. Loại máy tính đang dùng.

D. Địa chỉ nơi ở

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm).

Câu 15: (1,0 điểm) Khi đặt mật khẩu cho thư điện tử theo em nên đặt mật khẩu thế nào để đảm bảo tính bảo mật? Nếu nghi ngờ thư điện tử nhận được là thư rác em sẽ xử lý thế nào

Câu 16: (1,0 điểm) Em hãy sắp xếp lại các thao tác sau cho đúng trình tự cần thực hiện khi tìm thông tin bằng máy tìm kiếm.

- Gõ từ khóa vào ô dành để nhập từ khóa
- Nháy chuột vào liên kết để truy cập trang web tương ứng
- Mở trình duyệt
- Nháy nút  hoặc nhấn phím **Enter**
- Truy cập máy tìm kiếm

Câu 17: (1,0 điểm) Hãy so sánh mạng có dây và mạng không dây ở các mục sau: phương thức kết nối, lắp đặt, độ ổn định, tính di động.

-----Hết-----

D. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ SỐ 2**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)**

Mỗi câu trả lời đúng được 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	D	A	B	D	C	C	D	B	A	B	A	B	A	B

II. PHẦN TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 15 (1,0 điểm)	- Em đặt mật khẩu có ít nhất 5 kí tự và có đủ các kí tự như chữ hoa, chữ thường, chữ số, tránh đặt mật khẩu là những thông tin dễ đoán như ngày sinh, họ tên hay dãy số từ 1->9	0.5
	-Nếu nghi ngờ thư điện tử nhận được là thư rác em nên xóa thư khỏi hộp thư	0.5
Câu 16 (1,0 điểm)	Các thao tác sau cho đúng trình tự cần thực hiện khi tìm thông tin bằng máy tìm kiếm: 1- Mở trình duyệt 2- Truy cập máy tìm kiếm 3- Gõ từ khóa vào ô dành để nhập từ khóa 4- Nháy nút  hoặc nhấn phím Enter 5- Nháy chuột vào liên kết để truy cập trang web tương ứng	0.2 0.2 0.2 0.2 0.2

Câu 17 (1,0 điểm)

	Mạng có dây	Mạng không dây	Thang điểm
Phương thức kết nối	Qua dây dẫn mạng	Qua sóng điện từ	0,25
Lắp đặt	Khó khăn (Bởi vì	Dễ dàng hơn	0.25

	phải đi dây dẫn mạng, khoan đục tường)		
Độ ổn định	Cao	Thấp hơn	0,25
Tính di động	Hạn chế, vì nó hoạt động trong khu vực được bao phủ bởi các hệ thống được kết nối với mạng có dây.	Dễ dàng, vì nó hoạt động trong toàn bộ phạm vi mạng không dây	0,25

TRƯỜNG THCS

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Năm học 2023 - 2024

Môn: Tin học lớp 6

ĐỀ SỐ 1

A. MATRẬN

TT	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng	1. Thông tin và dữ liệu	1								0.5
		2. Xử lí thông tin	1								0,5
		3. Thông tin trong máy tính	1								0,5
2	Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet	1. Mạng máy tính	1								1
		2. Internet	2		2						2
3	Chủ đề 3: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	1. Mạng thông tin toàn cầu	1		1					1	2
2. Tìm kiếm thông tin trên Internet		1		1			1			2	
		3. Thư điện tử			2			1			2

Tổng	8 TN		6 TN			2 TL		1 TL	
Tỉ lệ	40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung	70%				30%				100%

B. ĐẶC TẢ

Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhậ n biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Chủ đề 1	1. Thông tin và dữ liệu	Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. (Câu 1)	1 (TN)			
	2. Xử lý thông tin	Nhận biết được các hoạt động cơ bản của xử lý thông tin (Câu 2)	1 (TN)			
	3. Thông tin trong máy tính	Nhận biết được đơn vị đo dung lượng thông tin (câu 3).	1 (TN)			
Chủ đề 2	1. Mạng máy tính	Nhận biết được lợi ích của máy tính (Câu 4)	1 (TN)			
	2. Internet	Nhận biết được Internet là gì , lợi ích của internet (Câu 5,6) Thông hiểu: Nêu được một số đặc điểm của Internet và một số lợi ích chính của internet (Câu 7,8)	2 (TN)	2 (TN)		
Chủ đề 3	1. Mạng thông tin toàn cầu	Nhận biết được sơ lược về các khái niệm WWW, website, địa chỉ của website, trình duyệt. (Câu 9) Thông hiểu: Sử dụng trình duyệt để vào trang web cho trước xem và nêu được các thông tin chính trên trang web đó.(Câu 10) Vận dụng: Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng (Câu 17)	1 (TN)	1 (TN)		1 (TL)
	2. Tìm kiếm thông tin trên	Nhận biết được công dụng của máy tìm kiếm(Câu 11) Thông hiểu: Xác định được từ khoá với mục đích tìm kiếm cho	1 (TN)	1 (TN)	1 (TL)	

	Internet	trước(Câu 12) Vận dụng: Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng (Câu 15)				
	3. Thư điện tử	Thông hiểu: biết được tài khoản thư điện tử, thành phần và địa chỉ thư điện tử (Câu 13,14) Vận dụng: Thực hiện được một số thao tác cơ bản: đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất thư điện tử (Câu 16)		2 (TN)	1 (TL)	
Tổng			8 TN	6 TN	2TL	1 TL
Tỉ lệ			40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung			70%		30%	

TRƯỜNG THCS

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Năm học 2023 - 2024

Môn: Tin học lớp 6

ĐỀ SỐ 2

B. MATRẬN

TT	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng	1. Thông tin và dữ liệu	1								0.5
		2. Xử lí thông tin	1								0,5
		3. Thông tin trong máy tính	1								0,5
2	Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet	1. Mạng máy tính	1							1	1.5
		2. Internet	2		2						2
3	Chủ đề 3: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi	1. Mạng thông tin toàn cầu	1		1						1
		2. Tìm kiếm thông tin trên	1		1			1			2

	thông tin	Internet									
		3. Thư điện tử			2		1			2	
Tổng			8 TN		6 TN			2 TL		1 TL	
Tỉ lệ			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%			100%	

B. ĐẶC TẢ

Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Chủ đề 1	1. Thông tin và dữ liệu	Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. (Câu 1)	1 (TN)			
	2. Xử lý thông tin	Nhận biết được các hoạt động cơ bản của xử lý thông tin (Câu 2)	1 (TN)			
	3. Thông tin trong máy tính	Nhận biết được đơn vị đo dung lượng thông tin (câu 3).	1 (TN)			
Chủ đề 2	1. Mạng máy tính	Nhận biết được lợi ích của máy tính (Câu 4) Vận dụng: Phân biệt mạng có dây và mạng không dây	1 (TN)			1 (TL)
	2. Internet	Nhận biết được Internet là gì , lợi ích của internet (Câu 5,6) Thông hiểu: Nêu được một số đặc điểm của Internet và một số lợi ích chính của internet (Câu 7,8)	2 (TN)	2 (TN)		
Chủ đề 3	1. Mạng thông tin toàn cầu	Nhận biết được sơ lược về các khái niệm WWW, website, địa chỉ của website, trình duyệt. (Câu 9) Thông hiểu: Sử dụng trình duyệt để vào trang web cho trước xem và nêu được các thông tin chính trên trang web đó.(Câu 10)	1 (TN)	1 (TN)		

2. Tìm kiếm thông tin trên Internet	<p>Nhận biết được công dụng của máy tìm kiếm(Câu 11)</p> <p>Thông hiểu: Xác định được từ khoá với mục đích tìm kiếm cho trước(Câu 12)</p> <p>Vận dụng: Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng (Câu 15)</p>	1 (TN)	1 (TN)	1 (TL)	
3. Thư điện tử	<p>Thông hiểu: biết được tài khoản thư điện tử, thành phần và địa chỉ thư điện tử (Câu 13,14)</p> <p>Vận dụng: Thực hiện được một số thao tác cơ bản: đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất thư điện tử (Câu 16)</p>		2 (TN)	1 (TL)	
Tổng		8 TN	6 TN	2TL	1 TL
Tỉ lệ		40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung		70%		30%	